

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **32** /2021/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày **19** tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư
và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17
tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;
Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày
22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của
Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn
vốn ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của
Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11*

tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng tài chính kế hoạch thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2021 và thay thế Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2020 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định một số vấn đề về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch UBND các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- Kiểm toán NN KV3;
- UBND TPĐN;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- TT THVN tại Đà Nẵng;
- Đài PTTH ĐN, Báo Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử TPĐN;
- VP UBND thành phố;
- Lưu: VT, ĐTĐT.

504

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Trung Chinh



QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2021/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư; thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng, thiết bị; quy định về công tác lựa chọn nhà thầu; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố, gồm:

1. Việc thực hiện các hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; đấu thầu dự án đầu tư công và phân cấp, ủy quyền một số thẩm quyền của UBND thành phố Đà Nẵng và Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công từ các nguồn kinh phí: Nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; Nguồn trích từ phí được để lại để chi thường xuyên theo quy định của pháp luật; Nguồn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị; Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công; Tổ chức, cá nhân có liên quan việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công từ các nguồn kinh phí: Nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; Nguồn trích từ phí được để lại để chi thường xuyên theo quy định của pháp luật; Nguồn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị; Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động quản lý, đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Nguồn vốn

1. Vốn đầu tư công bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công từ các nguồn kinh phí sau:

a) Nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước được cân đối tương ứng với từng lĩnh vực sử dụng tài sản công, trong dự toán chi ngân sách nhà nước được giao hàng năm của cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Nguồn trích từ phí được để lại để chi thường xuyên theo quy định của pháp luật;

c) Nguồn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị;

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Điều 4. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư

1. Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tất cả các dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này (trừ các nhiệm vụ, dự án quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công) đều phải lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (đối với các dự án nhóm A), Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (đối với các dự án nhóm B và nhóm C).

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý của các cơ quan chuyên môn, tổ chức, đơn vị, địa phương (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị), chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố và nhu cầu thực tiễn phát sinh; các cơ quan, đơn vị chủ động rà soát và đề xuất danh mục các dự án cần đầu tư thuộc tổ chức, đơn vị, ngành, lĩnh vực, địa bàn mình quản lý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, xem xét, tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và phê duyệt chủ đầu tư dự án. Các dự án được đề xuất phải đảm bảo tính cấp thiết, sự cần thiết đầu tư, hiệu quả đầu tư và phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

b) Trên cơ sở danh mục dự án bố trí kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản thống nhất chủ trương cho phép đầu tư dự án của UBND thành phố, các cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư dự án phải chủ động phối hợp với cơ quan, đơn vị đề xuất dự án và các cơ quan có liên quan triển khai ngay việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án làm cơ sở để cơ quan, đơn vị đề xuất dự án trình thẩm định, phê duyệt theo quy định. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đề xuất dự án đầu tư chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chủ tịch UBND thành phố về đề xuất của mình, đặc biệt là tính cần thiết,

cấp thiết, quy mô, hiệu quả của dự án, tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư (bao gồm cả hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính phục vụ đền bù, giải phóng mặt bằng). Chủ đầu tư dự án phải cùng chịu trách nhiệm với cơ quan, đơn vị đề xuất dự án về tiến độ, nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo quy định. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng tham gia ý kiến đối với nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường trên cơ sở phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố.

c) Việc đề xuất giao đơn vị chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công phải đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Xây dựng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, gồm: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực. Trường hợp, Ban quản lý dự án không đủ điều kiện thực hiện thì người quyết định đầu tư giao cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản lý làm chủ đầu tư.

Đối với dự án sử dụng nguồn vốn quy định tại khoản 2, Điều 3 Quy định này, chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được người quyết định đầu tư giao quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng.

d) Hằng năm, UBND thành phố dự kiến giao cho UBND các quận, huyện quản lý, điều hành số vốn đầu tư từ ngân sách thành phố (tối đa không quá 12% trên tổng kế hoạch vốn đầu tư hằng năm của thành phố) để đầu tư, sửa chữa các công trình thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương theo phân cấp.

3. Đối với dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công do thành phố quản lý: Chủ tịch UBND thành phố có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định do một Lãnh đạo UBND thành phố làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định và các sở, ban, ngành liên quan là thành viên để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở trình HĐND thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án.

4. Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do thành phố quản lý: Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội, Nghị quyết của HĐND thành phố và các quy định hiện hành. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với các dự án này.

Trường hợp UBND thành phố có ủy quyền cho UBND các quận quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án dưới 15 tỷ đồng do UBND quận quản lý, điều hành (theo danh mục dự án được ủy quyền cụ thể), Phòng Tài chính - Kế hoạch quận là đơn vị chủ trì thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với các dự án này.

5. Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do UBND huyện Hòa Vang quản lý (kể cả nguồn vốn ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện theo phân cấp): HĐND huyện Hòa Vang quyết định chủ trương

đầu tư các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

6. Trình tự lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

7. Đối với việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công sử dụng nguồn vốn quy định tại khoản 2, Điều 3 Quy định này thì không phải thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư. Trên cơ sở văn bản thống nhất đầu tư của cấp có thẩm quyền, dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm của cơ quan, đơn vị để thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, quy trình triển khai các bước tiếp theo đối với các dự án này tuân thủ theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

8. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án thực hiện theo quy định Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 5. Lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư

1. Trình tự, nội dung hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư công và quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Trong quá trình thẩm định dự án đầu tư công, trường hợp thật cần thiết phải điều chỉnh tăng quy mô, làm tăng tổng mức đầu tư của dự án so với quy định tại quyết định chủ trương đầu tư thì chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, gửi cơ quan có thẩm quyền để thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Trên cơ sở kết quả thẩm định, cơ quan, đơn vị đề xuất dự án có tờ trình đề nghị UBND thành phố quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (đối với các dự án được HĐND thành phố giao quyền) hoặc đề nghị UBND thành phố trình HĐND thành phố quyết định. Trường hợp điều chỉnh tăng quy mô, nhưng không tăng tổng mức đầu tư và vẫn bảo đảm mục tiêu của dự án được phê duyệt trong quyết định chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện thẩm định lại chủ trương đầu tư dự án.

3. Đối với các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, trong quá trình thẩm định dự án đầu tư/Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng các công trình, cơ quan chủ trì thẩm định phải thực hiện lấy ý kiến của Sở Tài chính về tiêu chuẩn, định mức (theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 12, Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ) trước khi tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án nhóm A có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND thành phố quyết

định đầu tư. Đối với nhiệm vụ thẩm định của người quyết định đầu tư, Chủ tịch UBND thành phố giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND thành phố quyết định đầu tư.

2. Chủ tịch UBND thành phố thành lập Hội đồng thẩm định do một Lãnh đạo UBND thành phố làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng do Chủ tịch UBND thành phố quyết định đầu tư.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND thành phố (Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng) làm cơ quan chủ trì thẩm định dự án có cấu phần xây dựng từ nhóm B trở xuống đối với nhiệm vụ thẩm định của người quyết định đầu tư và của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điều 57 và 58 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 và 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (trừ các dự án do cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND quận, huyện chủ trì thẩm định quy định tại khoản 5 Điều này). Các cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND thành phố làm cơ quan chủ trì thẩm định đối với nhiệm vụ thẩm định của người quyết định đầu tư hoặc tham gia ý kiến đối với các dự án theo lĩnh vực còn lại quy định tại khoản 8 Điều này. Người được ủy quyền quyết định đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này tổ chức thẩm định của người quyết định đầu tư theo điểm a khoản 3 Điều 56 Luật Xây dựng (sửa đổi năm 2020) và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định các dự án nhóm B trở xuống không có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND thành phố.

5. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND quận, huyện chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 3, Điều 57 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 (dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng do Chủ tịch UBND các quận, huyện quyết định đầu tư). Đối với một số các công trình chuyên ngành như phòng cháy, chữa cháy, điện chuyên ngành, công nghệ thông tin thì các sở chuyên ngành thẩm định phân thiết kế, dự toán trước khi cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND quận, huyện trình Chủ tịch UBND quận, huyện phê duyệt.

6. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc UBND quận, huyện (Phòng có chức năng quản lý đầu tư công) chủ trì tổ chức thẩm định các dự án không có cấu phần xây dựng (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) do Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định đầu tư. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc UBND huyện Hòa Vang chủ trì tổ chức thẩm định các dự án không có cấu phần xây dựng nhóm B, nhóm C do UBND huyện Hòa Vang quản lý.

7. Việc thẩm định thiết kế cơ sở được thực hiện cùng lúc với việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, không tổ chức thẩm định riêng.

8. Cơ quan chủ trì thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm là đầu mối chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án do thành phố quản lý như sau:

a) Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng (trừ các dự án do Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng chủ trì thẩm định tại đ khoản này); dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (đối với các dự án khu dân cư, khu tái định cư, trừ đường quốc lộ qua đô thị) và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

b) Sở Giao thông vận tải chủ trì tổ chức thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, giao thông trong đô thị (trừ các dự án do Sở Xây dựng chủ trì thẩm định tại điểm a khoản này), hệ thống giám sát điều khiển giao thông, quan trắc các công trình giao thông (bao gồm hệ thống camera quan sát, giám sát giao thông) và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ; tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với công trình giao thông thuộc các dự án khác.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (công trình thủy lợi; công trình đê điều; công trình chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn khác), điều tra rừng (cần chuyển đổi mục đích sử dụng của các dự án đầu tư) và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

d) Sở Công Thương chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với các dự án, công trình công nghiệp, bao gồm công nghiệp luyện kim và cơ khí chế tạo; khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; dầu khí; hóa chất; năng lượng; nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hệ thống điện chiếu sáng (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu, sản phẩm xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ và hạng mục điện chiếu sáng thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật do Sở Xây dựng thẩm định quy định tại điểm a khoản này, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao), chủ trì phối hợp với Hội đồng bồi thường thẩm định tháo dỡ, di dời, lắp đặt hệ thống thiết bị điện, các dây chuyền công nghệ máy móc thiết bị và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

đ) Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu

tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, các khu công nghiệp được giao quản lý và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

e) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và xác định kinh phí đầu tư tương ứng phần thiết kế cơ sở này đối với các dự án, công trình ứng dụng công nghệ thông tin, phát thanh, truyền hình (trừ công trình dạng cột, trụ, tháp), thông tin - truyền thông, máy thông tin (bao gồm các hạng mục, công trình tháo dỡ, di dời) và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

g) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường của các dự án đầu tư theo quy định (trừ các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND quận huyện, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng); phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án; hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính, tài nguyên khoáng sản và biến đổi khí hậu và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

h) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định các dự án không có cấu phần xây dựng theo quy định và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

i) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến về công nghệ đối với các dự án hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ, theo Điều 16 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

k) Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định về nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với dự án tu bổ di tích cấp thành phố theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018; tham mưu UBND thành phố đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định về nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với dự án tu bổ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

l) Công an thành phố tham gia ý kiến thiết kế cơ sở về phòng cháy, chữa cháy và các công trình do UBND thành phố giao nhiệm vụ.

m) Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về xây dựng được yêu cầu người đề nghị thẩm định lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định, cụ thể như sau:

- Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức tư vấn lập thẩm tra phải độc lập về pháp lý, tài chính với chủ đầu tư và với nhà thầu tư vấn lập dự án đầu tư.

n) Đối với các công trình động lực trọng điểm hoặc khi có yêu cầu tiến độ triển khai gấp theo chỉ đạo của UBND thành phố hoặc công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng: Chủ đầu tư chủ động tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm tra hồ sơ dự án, thiết kế dự toán trước khi trình cơ quan thẩm định. Đối với các công trình khác: Chủ đầu tư thực hiện thẩm tra khi có văn bản yêu cầu của cơ quan thẩm định theo quy định. Các điều kiện về năng lực tư vấn thẩm tra, tiến độ và nội dung thực hiện thẩm tra phải tuân thủ quy định hiện hành. Tổ chức tư vấn lập dự án không được thẩm tra dự án do mình lập.

9. Đối với dự án có công năng phục vụ hỗn hợp, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý đối với công năng phục vụ của công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính.

10. Trường hợp dự án do Chủ tịch UBND thành phố quyết định đầu tư, cơ quan chủ trì thẩm định dự án nêu tại khoản 8 Điều này có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định, trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt; chủ đầu tư dự án, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm phối hợp thực hiện với cơ quan chủ trì thẩm định dự án.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định đầu tư dự án sử dụng toàn bộ vốn ngân sách thành phố có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên; dự án có sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương (không phân biệt quy mô nguồn vốn); dự án sử dụng nhiều nguồn vốn thuộc các cấp quản lý khác nhau trong đó nguồn vốn ngân sách thành phố chiếm từ 15 tỷ đồng trở lên.

2. Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền quyết định đầu tư như sau:

a) Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương và Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng quyết định đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc lĩnh vực, phạm vi đơn vị mình quản lý theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Quy định này, trừ các dự án đã được quy định tại điểm b khoản 2; khoản 3 và 4 Điều này. Trường hợp dự án đầu tư có các hạng mục thuộc chuyên ngành khác nhau, người được Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Quy định này trước khi quyết định.

b) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn không thuộc điểm a, khoản 2 Điều này quyết định đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư dưới 01 tỷ đồng do đơn vị mình quản lý.

c) Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án còn lại có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng không thuộc điểm a, b khoản 2 Điều này.

d) Chủ tịch UBND các quận quyết định đầu tư:

- Các dự án do UBND các quận quản lý sử dụng nhiều nguồn vốn trong đó vốn ngân sách thành phố dưới 15 tỷ đồng.

- Các dự án được UBND thành phố giao UBND các quận quản lý, điều hành có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.

3. Chủ tịch UBND huyện Hòa Vang quyết định đầu tư:

- Các dự án nhóm B, C do HĐND huyện Hòa Vang quyết định chủ trương đầu tư.

- Các dự án do UBND huyện Hòa Vang quản lý sử dụng nhiều nguồn vốn trong đó vốn ngân sách thành phố dưới 15 tỷ đồng theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố.

4. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật được thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ.

Điều 8. Trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án

1. Việc điều chỉnh dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư công năm 2019; Điều 61 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, trường hợp phát sinh các yếu tố dẫn đến việc điều chỉnh dự án, chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án tổng hợp hồ sơ, báo cáo cơ quan đã chủ trì thẩm định dự án kiểm tra, kiến nghị xử lý, trình người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư có ý kiến thống nhất, làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

3. Đối với việc điều chỉnh dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Trường hợp điều chỉnh dự án dẫn tới phải điều chỉnh thiết kế chi tiết và dự toán, các nội dung điều chỉnh phải được chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt lại theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ.

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Đối với các dự án có cấu phần xây dựng sử dụng vốn đầu tư công:

a) Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của Chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 và khoản 25 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và Điều 35, 40 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021.

b) Việc thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng và các cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND thành phố (theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Quy định này) theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 và khoản 26 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và Điều

35, 36, 37, 38 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

c) Việc thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng và các cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND thành phố (theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Quy định này) và thẩm định, phê duyệt thiết kế điều chỉnh của chủ đầu tư thực theo quy định tại Điều 39, 40 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021.

d) Người quyết định đầu tư, người được ủy quyền quyết định đầu tư quyết định việc sử dụng chi phí dự phòng trong tổng mức đầu tư, trong dự toán xây dựng và trong dự toán gói thầu.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

3. Đối với các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách thành phố.

a) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và được phép thuê tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm thực hiện thẩm tra thiết kế chi tiết và dự toán để làm cơ sở thẩm định đối với các phần việc mà mình thực hiện, trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

b) Việc thẩm định thiết kế chi tiết dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo hình thức báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo điểm c, d, khoản 2, Điều 22 của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế 02 bước.

d) Việc điều chỉnh thiết kế chi tiết thực hiện theo Điều 30 của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019.

Điều 10. Thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng, thiết bị

1. Việc thẩm định dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021.

2. Việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021.

3. Việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021.

4. Việc điều chỉnh dự toán đối với các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 31 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019.

5. Về giá thiết bị trong dự án đầu tư

a) Chủ đầu tư, ban quản lý dự án có trách nhiệm lấy ý kiến thông tin về giá đối với thiết bị là tài sản cố định hữu hình (theo quy định của Bộ Tài chính) tại thời điểm tính toán để mua sắm cho công trình, dự án sử dụng vốn nhà nước (nội dung văn bản đề nghị bao gồm: danh mục, chủng loại, số lượng, đơn giá đề nghị) trong các trường hợp:

Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND thành phố (hoặc cơ quan, đơn vị thuộc thành phố theo ủy quyền): Sở Tài chính có ý kiến thông tin về giá tại thời điểm tính toán trong trường hợp thiết bị có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản sau khi có kết quả thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá.

Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND quận, huyện (hoặc cơ quan đơn vị thuộc quận, huyện theo ủy quyền): Phòng Tài chính - Kế hoạch có ý kiến thông tin về giá tại thời điểm tính toán trong trường hợp thiết bị có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản sau khi có kết quả thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá.

b) Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trong việc lấy ý kiến cơ quan phân cấp nêu trên, để tổng hợp vào tổng mức đầu tư, dự toán dự án trình các cơ quan chuyên môn theo Điều 6 Quy định này về thẩm định dự án đầu tư và Điều này về thẩm định dự toán, thiết bị theo quy định. Nội dung ý kiến về giá của các cơ quan có hiệu lực trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ban hành văn bản.

c) Đối với các loại thiết bị có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; vật tư, vật liệu, phụ kiện,... được tính vào chi phí trực tiếp trong dự toán xây dựng, thiết bị không phổ biến trên thị trường, thiết bị sản xuất gia công theo quy định của Bộ Xây dựng hoặc đã có định mức, đơn giá xây dựng, lắp đặt, chuyên ngành; thiết bị không phải là tài sản cố định hữu hình theo quy định của Bộ Tài chính; thiết bị đã được lắp đặt vào công trình;... thì chủ đầu tư căn cứ các tài liệu liên quan (Thông báo giá của Sở Xây dựng tại thời điểm tính toán; báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất; hợp đồng sản xuất, gia công; hóa đơn, chứng từ hợp lệ;...) để quyết định về giá và chịu trách nhiệm đối với khoản mục thuộc chi phí đầu xây dựng này theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 11. Quy định về công tác lựa chọn nhà thầu

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, danh sách ngắn, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu, danh sách xếp hạng nhà thầu thực hiện theo đúng quy định của Luật Đấu thầu năm 2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020, các văn bản pháp luật hiện hành về đấu thầu.

Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao thẩm định không đủ năng lực thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, thống nhất việc lựa chọn một tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thẩm định.

2. Người quyết định đầu tư, người được ủy quyền quyết định đầu tư thực hiện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư (đối với các gói thầu thực hiện sau khi có quyết định phê duyệt dự án).

3. Việc xác định, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17, 18 và 19 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021.

4. Đối với các dự án có thực hiện đền bù giải tỏa, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của gói thầu xây lắp chỉ được phát hành khi có tối thiểu 30% diện tích mặt bằng liên tục, đảm bảo thi công được và có bảng tiến độ hoặc cam kết giải phóng mặt bằng của Chủ tịch Hội đồng bồi thường dự án đối với phần diện tích vướng mặt bằng còn lại (khoảng 70% diện tích).

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND thành phố về quá trình lựa chọn nhà thầu. Trách nhiệm của chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Đấu thầu năm 2013.

6. Người được ủy quyền quyết định đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, quyết định việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng của các gói thầu của các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND thành phố, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, đề xuất việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng; báo cáo Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định.

Điều 12. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư

1. Chủ đầu tư hoặc cơ quan quản lý dự án (trường hợp được chủ đầu tư ủy quyền) lập hồ sơ tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của thành phố về tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư.

2. Mức tạm ứng vốn:

a) Đối với hợp đồng thi công xây dựng:

Hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối đa là 30% giá trị hợp đồng;

Hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối đa là 25% giá trị hợp đồng;

Hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối đa là 20% giá trị Hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ, hợp đồng EC, EP, PC, EPC, hợp đồng chia khóa trao tay và các loại hợp đồng xây dựng khác: Mức vốn tạm ứng tối đa là 20% giá trị hợp đồng.

c) Đối với hợp đồng tư vấn:

Hợp đồng có giá trị trên 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối đa là 25% giá trị hợp đồng;

Hợp đồng có giá trị đến 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối đa là 30% giá trị hợp đồng.

d) Giao chủ đầu tư căn cứ vào các quy định hiện hành, chịu trách nhiệm xác định mức tạm ứng và số lần tạm ứng cụ thể từng hợp đồng (dựa vào nhu cầu về vốn để thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết trước khi triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng), trong đó phải có nội dung công việc cụ thể cho việc sử dụng phần kinh phí tạm ứng nhằm để theo dõi, kiểm soát việc sử dụng vốn tạm ứng đảm bảo đúng quy định.

đ) Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn để đẩy nhanh tiến độ thi công thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch UBND thành phố. Trên cơ sở đề xuất của chủ đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan kiểm tra, báo cáo Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định.

e) Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Thực hiện theo điểm c khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

g) Đối với chi phí quản lý dự án: Thực hiện theo điểm d khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

h) Đối với các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng: Thực hiện theo điểm e khoản 3 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Mức vốn tạm ứng cho tất cả các khoản quy định từ điểm a đến điểm h nêu trên không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho dự án.

3. Bảo lãnh tạm ứng vốn: Thực hiện theo khoản 4 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Thu hồi tạm ứng: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2018 và khoản 5 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Thanh toán khối lượng hoàn thành

Việc thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015; Điều 9 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016; khoản 3 Điều 1 Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2018; khoản 6, 7 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện quyết toán và bảo hành công trình, trường hợp công việc nào hoàn thành trước sẽ được thanh toán số vốn còn lại của công việc đã hoàn thành đó.

Tổng số vốn thanh toán cho các dự án, công trình không vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; không vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành).

6. Hồ sơ tạm ứng, thanh toán vốn:

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

7. Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn nhà nước khi hoàn thành phải kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Đối với các dự án còn lại: Thực hiện lựa chọn nhà thầu kiểm toán để kiểm toán báo cáo quyết toán trước khi trình thẩm tra, phê duyệt đối với các gói thầu có giá trị từ 45 tỷ đồng, không kiểm toán đối với chi phí đền bù giải tỏa, gói thầu thiết bị. Đối với các công trình, hạng mục công trình thuộc dự án có giá trị nhỏ hơn 45 tỷ đồng nhưng tính chất phức tạp cần thiết phải kiểm toán độc lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành: Giao các chủ đầu tư, ban quản lý dự án có đề xuất cụ thể tại Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện có sở sở tham gia ý kiến gửi cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định nội dung này trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và ký kết hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về hợp đồng. Chủ đầu tư, nhà thầu kiểm toán độc lập và các đơn vị có liên quan thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 9 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

8. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán hoàn thành các dự án nhóm C (trừ trường hợp quy định tại điểm b, c khoản này); tổ chức thẩm tra, trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quyết toán hoàn thành các dự án nhóm A, B.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện tổ chức thẩm tra, trình Chủ tịch UBND quận, huyện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án do Chủ tịch UBND quận, huyện phê duyệt dự án đầu tư/Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc UBND thành phố tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán hoàn thành các dự án có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở xuống do mình và các đơn vị trực thuộc quản lý.

9. Đối với các dự án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong năm:

Việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 67 của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Trước khi gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư cho từng dự án, các chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án phải xác định số vốn đã thanh toán đến thời điểm điều chỉnh và làm việc với Kho bạc Nhà nước để xác nhận số vốn thuộc kế hoạch hằng năm đã thanh toán cho dự án, xác định số vốn còn dư do không thực hiện được, đảm bảo kế hoạch vốn của dự án sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc Nhà nước đã thanh toán.

10. Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Chủ đầu tư chậm thực hiện quyết toán theo quy định này bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng.

11. Thời gian chủ đầu tư giải quyết công nợ, tất toán tài khoản dự án

Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết công nợ, tất toán tài khoản dự án tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư trong vòng 06 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Trường hợp dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán chưa được bố trí đủ vốn, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo người quyết định đầu tư và các cơ quan liên quan bố trí vốn để giải quyết công nợ, tất toán tài khoản dự án theo quy định.

12. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng tháng, các chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư của các dự án gửi UBND, cơ quan tài chính cùng cấp (chi tiết theo từng danh mục công trình và nguồn vốn đầu tư) trước ngày 05 hàng tháng và thực hiện báo cáo đột xuất số liệu cho Sở Tài chính để tham mưu cho UBND thành phố trong điều hành ngân sách.

Điều 13. Quy định thời gian thực hiện các thủ tục hành chính hồ sơ xây dựng cơ bản:

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Thẩm định chủ trương đầu tư các dự án nhóm A.	Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định) 45 ngày (kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ đầu tư, rà soát có văn bản) trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định ban hành.
2	Thẩm định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, C vốn ngân sách thành phố.	Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: Nhóm B, C: 30 ngày (bao gồm thời gian lấy ý kiến của Sở Tài chính và các đơn vị liên quan). Trường hợp dự án cần kiểm tra thực tế thì thời gian kéo dài thêm 03 ngày.
3	Thời gian các chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án trình phê duyệt chủ trương đầu	Thời gian tại các chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án: 02 ngày.

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
	tư	
4	Phê duyệt chủ trương đầu tư	Dự án nhóm B, C: Thời gian tại UBND thành phố là 14 ngày.
5	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật (bao gồm thẩm định thiết kế cơ sở và lấy ý kiến các đơn vị liên quan)	- Đối với dự án có cấu phần xây dựng: - Dự án nhóm A: Thời gian thẩm định tại Sở chuyên ngành là 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Dự án nhóm B: Thời gian thẩm định tại Sở chuyên ngành là 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Dự án nhóm C và dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Thời gian thẩm định tại sở chuyên ngành là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: + Dự án nhóm A: Thời gian thẩm định tại cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công là 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Dự án nhóm B, C: Thời gian thẩm định tại cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
6	Phê duyệt dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật (có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ trở lên)	- Nhóm A: 08 ngày; - Nhóm B, C: 06 ngày.
7	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng	Thời gian tại cơ quan quyết định đầu tư theo phân cấp 05 ngày.
8	Thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật (công trình thiết kế ba bước); hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (công trình thiết kế hai bước hoặc ba bước)	- Thời gian thẩm định như sau: - Trường hợp thuê đơn vị tư vấn thẩm tra, thời gian thẩm định: + Cấp I: 24 ngày. + Cấp II, III: 18 ngày. + Các công trình còn lại: 12 ngày. - Trường hợp tự thẩm định: + Cấp I: 28 ngày. + Cấp II, III: 21 ngày. + Các công trình còn lại: 14 ngày. - Trường hợp thiết kế, dự toán điều chỉnh: 12 ngày.
9	Phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật (công trình thiết kế ba bước); hồ sơ thiết kế bản vẽ	- Thời gian người quyết định đầu tư phê duyệt: 05 ngày. - Thời gian chủ đầu tư phê duyệt: 03 ngày.

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
	thi công (công trình thiết kế hai bước hoặc ba bước).	
10	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Thời gian thẩm định: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
11	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Thời gian tại cơ quan quyết định đầu tư: 05 ngày.
12	Thẩm định Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Thời gian thẩm định: 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
13	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Thời gian phê duyệt: 04 ngày.
14	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	* Gói thầu quy mô nhỏ: - Thời gian tại các chủ đầu tư: 06 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. * Các gói thầu còn lại: - Thời gian tại các chủ đầu tư: 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
15	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	* Gói thầu quy mô nhỏ: - Thời gian tại các chủ đầu tư: 04 ngày. * Các gói thầu còn lại: - Thời gian tại các chủ đầu tư: 06 ngày.
16	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị chi tiết tỷ lệ 1/500 và quy hoạch chi tiết khu chức năng (khu chức năng gồm: Khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao)	- Quy hoạch do UBND thành phố phê duyệt: + Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng: 16 ngày; + Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 08 ngày. - Quy hoạch do UBND quận, huyện phê duyệt: + Thời gian thẩm định tại cơ quan chuyên môn trực thuộc quận, huyện: 16 ngày; + Thời gian phê duyệt tại UBND quận, huyện: 08 ngày.
17	Nhiệm vụ quy hoạch và dự toán nhiệm vụ; Nhiệm vụ cắm mốc ranh giới quy hoạch và dự toán	- Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cắm mốc ranh giới quy hoạch do UBND thành phố phê duyệt: + Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng: 09 ngày; + Thời gian phê duyệt tại UBND thành phố: 05 ngày. - Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cắm mốc ranh giới quy hoạch do UBND quận, huyện

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
		phê duyệt: + Thời gian thẩm định tại cơ quan chuyên môn trực thuộc quận, huyện: 09 ngày; + Thời gian phê duyệt tại UBND quận, huyện: 05 ngày.
18	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	- Dự án nhóm A: Thời gian thẩm tra tối đa không quá 03 tháng; thời gian phê duyệt tối đa không quá 12 ngày. - Dự án nhóm B: Thời gian thẩm tra tối đa không quá 02 tháng; thời gian phê duyệt tối đa không quá 10 ngày. - Dự án nhóm C: Thời gian thẩm tra tối đa không quá 01 tháng; thời gian phê duyệt tối đa không quá 08 ngày.
19	Lấy ý kiến thông tin về giá đối với thiết bị để mua sắm cho công trình, dự án sử dụng vốn nhà nước	- Thời gian xử lý hồ sơ tại Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Phòng Tài chính - Kế hoạch: 10 ngày.

Giao các Sở chuyên ngành, UBND các quận, huyện, các chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án:

Tổ chức, triển khai thực hiện các thủ tục theo đúng tiến độ quy định và tiếp nhận xử lý theo quy trình 1 cửa. Đây là thời gian tối đa để các đơn vị thực hiện; khuyến khích các đơn vị rút ngắn thêm thời gian đối với các dự án có thể thực hiện rút ngắn.

Các cơ quan thẩm tra, thẩm định khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục phải tập trung kiểm tra, rà soát và hướng dẫn (nếu có) cho các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án để hoàn chỉnh bổ sung hồ sơ một lần; tránh trường hợp trả, bổ sung nhiều lần làm kéo dài thời gian công việc.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy định xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư công đã được phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc đã được phê duyệt dự án trước ngày Quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang thì không phải làm thủ tục phê duyệt lại; các công việc tiếp theo bao gồm thẩm quyền về thẩm định, phê duyệt được thực hiện theo Quy định này.

2. Các dự án đầu tư công chưa được phê duyệt dự án thì việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện theo Quy định này.

3. Các dự án đầu tư công đã được phê duyệt dự án thì cơ quan chuyên môn về xây dựng được giao chủ trì thẩm định tiếp tục thực hiện việc thẩm định cho đến khi hoàn thành công trình.

4. Các nội dung khác về quản lý đầu tư và xây dựng không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư, quản lý dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND thành phố đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. Các cơ quan, đơn vị đề xuất đầu tư, đơn vị quản lý, khai thác sử dụng công trình phải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án trong suốt quá trình chuẩn bị đầu tư và triển khai dự án, đảm bảo dự án hoàn thành đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, tiến độ và hiệu quả sử dụng.

3. Trường hợp các quy định pháp luật có liên quan được nêu trong Quy định này có sự thay đổi thì thực hiện theo các quy định của pháp luật mới ban hành. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc thì các tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, tham mưu cho UBND thành phố xử lý theo quy định./.